

Số: 1799/2022/QĐST-VHNGĐ

Bình Thạnh, ngày 08 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1680/2022/TLST-VHNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa:

Người yêu cầu: Ông N H N; địa chỉ: Số 29 đường số 5 cư xá A, Phường B, quận BT, Thành phố H.

Người yêu cầu: Bà N T T B, địa chỉ: Số 29 đường số 5 cư xá A, Phường B, quận BT, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 31 tháng 8 năm 2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Những nội dung mà các đương sự đã thỏa thuận tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự là:

[1] Về quan hệ vợ chồng: Ông N H N và bà N T T B thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông N H N và bà N T T B xác nhận có 02 con chung là là Nguyễn Đ M sinh ngày 16/8/2007 và Nguyễn T N sinh ngày 23/01/2009, hai bên thống nhất giao con cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, ông N cấp dưỡng nuôi mỗi con 8.000.000 đồng/tháng. Cấp dưỡng cho đến khi con thành niên, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 10/2022, thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Hai bên thỏa thuận, kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên, thì ông N còn phải chịu thêm

khoản tiền lãi các bên đã thoả thuận theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành án.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông N H N và bà N T T B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Ông N H N và bà N T T B đã nộp theo quy định.

Xét thấy hai bên thực sự tự nguyện ly hôn; đã thoả thuận với nhau việc tự giải quyết về tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con. Sự thoả thuận này đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ vợ chồng: Ông N H N và bà N T T B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân Phường Q, Quận H, Thành phố H cấp ngày 02/10/2006 cho ông N H N và bà N T T B hết hiệu lực kể từ ngày ban hành quyết định này.

-Về con chung: Giao cho bà N T T B trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ Nguyễn Đ M sinh ngày 16/8/2007 và Nguyễn T N sinh ngày 23/01/2009, ông N cấp dưỡng nuôi mỗi con 8.000.000 đồng/tháng. Cấp dưỡng cho đến khi con thành niên, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 10/2022, thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên, thì ông N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi các bên đã thoả thuận theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông N H N và bà N T T B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, ông N H N và bà N T T B phải nộp nhưng được trừ vào tiền lệ phí là 300.000 đồng mà ông N H N và bà N

T T B đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0000014 ngày 13/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thạnh. Ông N H N và bà N T T B đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- UBND Phường Q, Quận H, Tp. Hồ Chí Minh
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Yến